

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

12/12/2017 10:10:10 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3601478519 cấp lần đầu ngày ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Ước My Bà Nguyễn Thanh Diệp Ông Lê Ngọc Thông Bà Phạm Thị Thu Trang Bà Phạm Vũ Thanh Hà Bà Nguyễn Thái Hà Bà Đặng Huỳnh Ước My Ông Lê Ngọc Thông Bà Châu Kim Yến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30.6.2017) Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 30.6.2017) Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17.7.2017) Thành viên Thành viên (bổ nhiệm ngày 1.3.2017) Thành viên (bổ nhiệm ngày 2.8.2017) Thành viên (miễn nhiệm ngày 30.6.2017) Thành viên (miễn nhiệm ngày 17.7.2017) Thành viên (miễn nhiệm ngày 2.8.2017)
Ban Tổng Giám đốc	Bà Đặng Huỳnh Ước My Bà Nguyễn Thanh Diệp Ông Nguyễn Tâm Hòa Bà Phạm Thị Thu Trang Bà Dương Thục Linh Bà Nguyễn Thị Mỹ Thuyên	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30.6.2017) Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30.6.2017) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25.5.2017) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25.5.2017) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3.5.2017) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25.5.2017)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Đặng Huỳnh Ước My Bà Nguyễn Thanh Diệp	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30.6.2017) Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30.6.2017)
Trụ sở chính	253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán dùng để lập báo cáo tài chính hợp nhất đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 47. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Thu Trang
Người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 10 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017, và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 19 tháng 9 năm 2016. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, được trình bày như số liệu tương ứng, chưa được kiểm toán.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2017-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Hồ Ngọc Thăng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2262-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6490
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2017

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thống lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.143.907.872	59.004.115.707
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	6.717.908.360	2.755.489.207
111	Tiền		6.717.908.360	2.453.084.407
112	Các khoản tương đương tiền		-	302.404.800
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		44.840.071.900	45.195.649.898
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.129.379.629	3.069.219.728
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.987.826.565	12.497.591.055
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	17.883.171.144	19.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	16.274.720.525	11.958.676.197
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(5.435.125.963)	(1.319.837.082)
140	Hàng tồn kho	10	3.427.084.442	4.985.484.110
141	Hàng tồn kho		3.427.084.442	4.985.484.110
150	Tài sản ngắn hạn khác		10.158.843.170	6.067.492.492
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	7.046.320.166	2.816.490.351
152	Thuế GTGT được khấu trừ		2.636.901.580	2.821.286.690
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		475.621.424	429.715.451

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2017 VND	2016 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		613.850.424.862	499.135.415.135
210	Phải thu dài hạn		3.138.000.000	1.843.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	3.138.000.000	1.843.000.000
220	Tài sản cố định		397.741.110.149	335.680.287.503
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	274.744.354.775	239.899.720.096
222	Nguyên giá		430.204.283.522	366.721.961.979
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(155.459.928.747)	(126.822.241.883)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	122.996.755.374	95.780.567.407
228	Nguyên giá		144.554.151.649	114.887.525.796
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.557.396.275)	(19.106.958.389)
230	Bất động sản đầu tư	13	20.034.020.274	-
231	Nguyên giá		26.954.725.346	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.920.705.072)	-
240	Tài sản dở dang dài hạn		138.341.497.745	102.151.785.610
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	138.341.497.745	102.151.785.610
250	Đầu tư tài chính dài hạn		-	32.297.550.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết	3	-	32.297.550.000
260	Tài sản dài hạn khác		54.595.796.694	27.162.792.022
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	20.929.598.933	10.008.806.985
269	Lợi thế thương mại	15	33.666.197.761	17.153.985.037
270	TỔNG TÀI SẢN		678.994.332.734	558.139.530.842

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
			2017 VND	2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		280.700.639.468	254.013.308.868
310	Nợ ngắn hạn		119.422.249.468	97.927.053.868
311	Phải trả người bán ngắn hạn	16	27.100.625.280	8.695.978.435
312	Người mua trả tiền trước		3.091.431.608	3.702.507.386
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.369.523.543	2.543.623.051
314	Phải trả người lao động		7.247.248.133	4.669.105.426
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	18	12.715.694.844	5.521.782.155
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		419.535.071	1.569.775.964
319	Phải trả ngắn hạn khác	19	13.889.940.989	24.403.147.394
320	Vay ngắn hạn	20(a)	51.588.250.000	47.421.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	-	(599.865.943)
330	Nợ dài hạn		161.278.390.000	156.086.255.000
337	Phải trả dài hạn khác		-	632.255.000
338	Vay dài hạn	20(b)	161.278.390.000	155.454.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		398.293.693.266	304.126.221.974
410	Vốn chủ sở hữu		398.293.693.266	304.126.221.974
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	350.000.000.000	250.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	22	350.000.000.000	250.000.000.000
414	Quỹ đầu tư phát triển	23	28.645.813	28.645.813
421	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	(10.506.681.314)	6.764.586.742
421b	- (Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối năm nay		(10.506.681.314)	6.764.586.742
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	58.771.728.767	47.332.989.419
440	TỔNG NGUỒN VỐN		678.994.332.734	558.139.530.842



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập



Đặng Hồng Tuyên
Kê toán trưởng



Phạm Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 10 tháng 10 năm 2017


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG


Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2017 VND	2016 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	348.767.412.959	251.338.648.017
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.322.512.933)	(613.558.559)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26 346.444.900.026	250.725.089.458
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27 (223.733.760.524)	(154.028.983.679)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.711.139.502	96.696.105.779
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.414.630.100	2.253.731.080
22	Chi phí tài chính	28 (19.247.777.390)	(17.035.082.661)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	28 (19.207.581.857)	(17.035.082.661)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29 (87.125.188.383)	(44.914.800.240)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.752.803.829	36.999.953.938
31	Thu nhập khác	803.770.839	2.124.673.954
32	Chi phí khác	(1.586.511.424)	(2.662.647.174)
40	Lỗ khác	(782.740.585)	(537.973.220)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.970.063.244	36.461.980.718
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	30(a) (5.560.265.664)	(4.334.403.623)
52	Thuế TNDN hoãn lại	30(b) -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.409.797.580	32.127.577.095
61	LNST của công ty mẹ	23 8.112.112.328	28.649.464.676
62	LNST của cổ đông không kiểm soát	23 3.297.685.252	3.478.112.419
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25 103	939
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25 103	939


Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập


Đặng Hồng Tuyên
Kế toán trưởng


Phạm Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 10 tháng 10 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	16.970.063.244	36.461.980.718
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	28.553.253.852	25.904.400.391
03	Các khoản dự phòng	4.115.288.881	963.513.419
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.700.754.739)	(2.253.731.080)
06	Chi phí lãi vay	19.207.581.857	17.035.082.661
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	67.145.433.095	78.111.246.129
09	Tăng các khoản phải thu	(11.540.457.511)	(45.649.347.374)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	1.558.399.668	(3.238.129.551)
11	Tăng các khoản phải trả	13.879.174.402	77.770.946.644
12	Tăng chi phí trả trước	(6.596.673.902)	(1.906.750.718)
14	Tiền lãi vay đã trả	(19.468.971.046)	(15.010.267.871)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.160.858.640)	(3.789.009.480)
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.889.614.161)	(3.203.627.668)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	34.926.431.905	83.085.060.111
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(110.655.136.033)	(68.417.968.090)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	838.963.204	37.284.427.621
23	Chi cho vay	(15.500.000.000)	(22.700.000.000)
24	Thu hồi cho vay	16.616.828.856	3.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư vốn vào đơn vị khác	(12.641.252.634)	(77.050.485.376)
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	-	14.000.000.000
27	Thu lãi cho vay và cổ tức	112.857.766	946.589.916
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(121.227.738.841)	(112.237.435.929)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	100.000.000.000	-
33	Thu từ đi vay	113.539.140.000	200.209.000.000
34	Chi trả nợ gốc vay	(103.547.500.000)	(162.841.810.000)
36	Chi trả cổ tức	(19.727.913.911)	(7.269.749.182)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	90.263.726.089	30.097.440.818
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	3.962.419.153	945.065.000
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4 2.755.489.207	1.810.424.207
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 6.717.908.360	2.755.489.207


Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập


Đặng Hồng Tuyên
Kế toán trưởng


Phạm Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 10 tháng 10 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; đào tạo đại học và cao đẳng; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực giày da, dệt may và kinh tế; nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội; các loại hình giáo dục khác như tiếng nước ngoài và kỹ năng vi tính; cho thuê và kinh doanh bất động sản và dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 1.321 nhân viên (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 1.001 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 12 công ty con (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 9 công ty con và 1 công ty liên kết) như sau:

STT	Công ty	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	
				30.6.2017 %	30.6.2016 %
Công ty con					
1	Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	Giáo dục	TP. HCM	100	100
2	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
3	Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Bình Dương	Giáo dục	Bình Dương	100	100
4	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
5	Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	Giáo dục	Đồng Nai	100	100
6	Trường THCS - THPT Tân Phú	Giáo dục	TP. HCM	75	75
7	Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	Giáo dục	TP. HCM	100	100
8	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	Tư vấn thiết kế và xây dựng	Đồng Nai	89,83	89,83
9	Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Đào tạo	Đồng Nai	60	60
10	Trường Đại học Yersin Đà Lạt (*)	Đào tạo	Đà Lạt	81,96	-
11	Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công (**)	Đào tạo	Đồng Nai	100	-
12	Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC (***)	Đào tạo	TP. HCM	100	-
Công ty liên kết					
1	Trường Đại học Yersin Đà Lạt (*)	Đào tạo	Đà Lạt	-	50,41

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

- (*) Căn cứ vào thỏa thuận của các cổ đông, tại ngày 1 tháng 10 năm 2016, Công ty hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và chính thức nắm quyền kiểm soát đối với Trường Đại học Yersin Đà Lạt tương ứng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50,41%. Trong năm, Công ty mua thêm cổ phần của Trường Đại học Yersin Đà Lạt và tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 81,96%.
- (**) Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603427647 ngày 9 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, với vốn điều lệ là 566.000.000 đồng.
- (***) Công ty thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314290652 ngày 15 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Trước đây, năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Tập đoàn thay đổi năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6. Do đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các doanh nghiệp trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất theo Thuyết minh 2.4.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	5 - 35 năm
Thiết bị trường học	5 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị quản lý	7 - 13 năm
Bảng sáng chế	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 42 năm đến 58 năm phù hợp với thời gian quy định trên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nằm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhà cửa 5 - 35 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước nhưng chưa cung cấp dịch vụ. Tập đoàn ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong tương lai.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

(c) Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.23 Giá vốn

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên các báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.27 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua cổ phần của Trường Đại học Yersin Đà Lạt ("Yersin"), công ty con mới.

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục pháp lý để nắm quyền kiểm soát Trường Đại học Yersin Đà Lạt ("Yersin") và theo đó Yersin được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn.

Việc hợp nhất kinh doanh này ảnh hưởng đến tài sản thuần của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.481.841.366
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.674.202.391
Tài sản ngắn hạn khác	97.297.000
Tài sản cố định	39.392.839.044
Tài sản dài hạn khác	1.778.953.496
	<hr/> 45.424.933.297
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn khác	(336.724.546)
	<hr/> 45.088.208.751 <hr/>
Tài sản thuần (*)	
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 15)	20.629.169.484
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 23)	(22.358.228.235)
	<hr/> 43.359.150.000 <hr/>

(*) Tại ngày mua, Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị hợp lý tài sản thuần của Yersin không có khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)Giá trị hợp lý
ghi nhận tại ngày mua
VND**Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con**

Giá phí hợp nhất kinh doanh	(43.359.150.000)
Kết chuyển từ số dư đầu năm của khoản đầu tư vào công ty liên kết	32.297.550.000
Tiền chi để mua công ty con	(11.061.600.000)
Tiền thu về từ công ty con	2.481.641.366
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	(8.579.958.634)

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Tiền mặt	475.799.513	470.643.945
Tiền gửi ngân hàng	6.242.108.847	1.982.440.462
Các khoản tương đương tiền (*)	-	302.404.800
	<u>6.717.908.360</u>	<u>2.755.489.207</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại một ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Bên thứ ba	2.008.269.129	2.993.087.128
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	121.110.500	66.132.600
	<u>2.129.379.629</u>	<u>3.059.219.728</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 966.204.000 đồng và 1.363.809.001 đồng như được trình bày tại Thuyết minh 9.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Giao Thông Vận Tải	3.000.000.000	-
Bên thứ ba khác	10.428.873.750	2.289.371.864
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	559.052.815	10.208.219.191
	<u>13.987.926.565</u>	<u>12.497.591.055</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho bên liên quan vay tín chấp (Thuyết minh 32(b)) và hưởng lãi suất từ 0,3% đến 11%/năm.

Biến động các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	19.000.000.000	-
Tiền chi cho vay	15.500.000.000	22.700.000.000
Tiền thu hồi cho vay	(16.616.828.856)	(3.700.000.000)
Số dư cuối năm	<u>17.883.171.144</u>	<u>19.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU KHÁC

	30.6.2017		30.6.2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
(a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay (Thuyết minh 32(b))	4.007.354.002	-	2.706.291.668	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.244.843.173	644.101.369	7.915.418.887	528.065.314
Khác	8.022.523.350	4.099.437.594	1.336.965.642	-
	<u>16.274.720.525</u>	<u>4.743.538.963</u>	<u>11.958.676.197</u>	<u>528.065.314</u>
(b) Dài hạn				
Đặt cọc	2.837.800.000	-	1.800.000.000	-
Khác	300.200.000	-	43.000.000	-
	<u>3.138.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.843.000.000</u>	<u>-</u>

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

	30.6.2017			Số ngày quá hạn Ngày
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Phải thu học phí	966.204.000	274.617.000	691.587.000	Từ 180 đến 360
Tạm ứng nhân viên	644.101.369	-	644.101.369	Trên 360
Khác	4.099.437.594	-	4.099.437.594	Trên 360
	<u>5.709.742.963</u>	<u>274.617.000</u>	<u>5.435.125.963</u>	
	30.6.2016			Số ngày quá hạn Ngày
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Ban Quản lý dự án huyện Nhơn Trạch	115.206.653	-	115.206.653	Trên 180
Ban chỉ đạo xây dựng chợ Long Thành	347.940.912	243.558.638	104.382.274	Trên 180
Ông Khương Nguyễn Đức Chương	388.445.000	271.911.500	116.533.500	Trên 180
Bà Giang Thị Sâm	365.934.020	256.153.814	109.780.206	Trên 180
Khác	1.994.184.812	1.120.250.363	873.934.449	Trên 180
	<u>3.211.711.397</u>	<u>1.891.874.315</u>	<u>1.319.837.082</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

Biến động về dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.319.837.082	356.323.663
Tăng dự phòng	4.115.288.881	963.513.419
Số dư cuối năm	<u>5.435.125.963</u>	<u>1.319.837.082</u>

10 HÀNG TỒN KHO

	30.6.2017		30.6.2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu tồn kho	124.927.614	-	132.234.630	-
Chi phí SXKD dở dang	2.795.701.781	-	4.771.183.150	-
Hàng hóa	508.455.047	-	82.066.330	-
	<u>3.427.084.442</u>	<u>-</u>	<u>4.985.484.110</u>	<u>-</u>

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
(a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	4.674.571.313	1.648.375.175
Chi phí sửa chữa	91.894.346	112.867.099
Chi phí khác	2.279.854.507	1.055.248.077
	<u>7.046.320.166</u>	<u>2.816.490.351</u>
(b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	14.212.470.873	8.373.520.780
Chi phí sửa chữa	6.105.448.674	576.546.405
Chi phí khác	611.679.386	1.058.739.800
	<u>20.929.598.933</u>	<u>10.008.806.985</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị trường học VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	331.451.020.021	20.493.494.102	9.408.441.471	5.369.006.385	366.721.961.979
Tăng trong năm	4.284.932.212	1.499.092.155	1.203.816.000	1.120.945.508	8.108.785.875
Tăng do hợp nhất kinh doanh	54.016.717.362	2.059.484.507	370.144.000	-	56.446.345.869
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	24.594.347.075	5.028.303.130	-	-	29.622.650.205
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	(28.423.682.746)	-	-	-	(28.423.682.746)
Giảm khác	-	(403.771.004)	-	(36.963.020)	(440.734.024)
Thanh lý	(100.000.000)	-	(1.731.043.636)	-	(1.831.043.636)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>385.823.333.924</u>	<u>28.676.602.890</u>	<u>9.251.357.835</u>	<u>6.452.988.873</u>	<u>430.204.283.522</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	104.611.785.854	13.841.295.110	4.725.776.407	3.643.384.512	126.822.241.883
Khấu hao trong năm	17.332.441.256	2.959.257.050	948.250.627	735.289.465	21.975.238.398
Tăng do hợp nhất kinh doanh	14.864.444.536	1.818.918.289	370.144.000	-	17.053.506.825
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	(8.671.409.264)	-	-	-	(8.671.409.264)
Giảm khác	-	(403.771.004)	-	(36.963.020)	(440.734.024)
Thanh lý	-	-	(1.278.915.071)	-	(1.278.915.071)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>128.137.262.382</u>	<u>18.215.699.445</u>	<u>4.765.255.963</u>	<u>4.341.710.957</u>	<u>155.459.928.747</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	<u>226.839.234.167</u>	<u>6.652.198.992</u>	<u>4.682.665.064</u>	<u>1.725.621.873</u>	<u>239.899.720.096</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>257.686.071.542</u>	<u>10.460.903.445</u>	<u>4.486.101.872</u>	<u>2.111.277.916</u>	<u>274.744.354.775</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 10.818.985.771 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 5.190.473.719 đồng).
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 96,5 tỷ đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 118,9 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20)).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bảng săng chề VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	112.967.688.663	1.599.437.133	320.400.000	114.887.525.796
Tăng trong năm	20.400.000.000	453.548.000	-	20.853.548.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	8.574.402.853	-	-	8.574.402.853
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	238.675.000	-	238.675.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>141.942.091.516</u>	<u>2.291.660.133</u>	<u>320.400.000</u>	<u>144.554.151.649</u>
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	17.603.616.916	1.423.241.473	80.100.000	19.106.958.389
Khấu hao trong năm	2.030.511.014	61.518.903	119.732.969	2.211.762.886
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	238.675.000	-	238.675.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>19.634.127.930</u>	<u>1.723.435.376</u>	<u>199.832.969</u>	<u>21.557.396.275</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	<u>95.364.071.747</u>	<u>176.195.660</u>	<u>240.300.000</u>	<u>95.780.567.407</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>122.307.963.586</u>	<u>568.224.757</u>	<u>120.567.031</u>	<u>122.996.755.374</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.333.903.433 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, TSCĐ vô hình của Tập đoàn với giá trị còn lại là 75,4 tỷ đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 70 tỷ đồng) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà cửa
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016

-

Tăng trong năm

531.042.600

Chuyển từ tài sản cố định (Thuyết minh 12(a))

28.423.682.746

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

28.954.725.346

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016

-

Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12(a))

8.671.409.264

Khấu hao trong năm

249.295.808

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

8.920.705.072

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016

-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

20.034.020.274

Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 451.953.447 đồng (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 0 đồng).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	102.151.785.610	57.325.501.908
Tăng trong năm	81.161.759.558	72.786.998.276
Tăng do hợp nhất kinh doanh	932.710.397	-
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 12(a))	(29.622.650.205)	(25.834.985.444)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 12(b))	(8.574.402.853)	-
Chuyển sang chi phí trả trước	(7.707.704.762)	(2.125.729.130)
Số dư cuối kỳ	138.341.497.745	102.151.785.610

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Dự án mở rộng Trường THPT Lê Quý Đôn	35.867.702.686	35.867.702.686
Trung tâm Đào tạo Ngoại ngữ và Phục vụ Giáo dục (*)	27.149.452.094	27.149.452.094
Dự án mở rộng Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	24.867.829.299	-
Khu bán trú và nhà ăn tại Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	19.339.450.000	19.168.540.909
Trung tâm Sinh hoạt Dã ngoại Thanh thiếu nhi tại phường Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương	-	14.912.148.817
Dự án xây mới Trường mầm non Bến Tre	21.422.093.417	-
Dự án tại Long Thành	3.554.400.000	3.554.400.000
Khác	6.140.570.249	1.499.541.104
	138.341.497.745	102.151.785.610

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ dự án để thế chấp cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

15 LỢI THẺ THƯƠNG MẠILợi thẻ thương mại
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016 25.697.690.487

Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3) 20.629.169.484

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 46.326.859.971

Phân bổ lợi thẻ thương mại lũy kế

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016 8.543.705.450

Phân bổ trong năm 4.116.956.760

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 12.660.662.210

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 7 năm 2016 17.153.985.037

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 33.666.197.761

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN30.6.2017
VND30.6.2016
VND

Bên thứ ba 3.127.163.035 3.699.306.404

Bên liên quan (Thuyết minh 32(b)) 23.973.462.245 4.996.672.031

27.100.625.280

8.695.978.435

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.7.2016 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Cán trừ/ Phân loại lại VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.165.265.444	6.801.269.233	(6.650.924.651)	25.382.979	1.340.993.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	849.347.231	5.560.265.864	(5.160.856.640)	7.696.347	1.256.450.802
Thuế GTGT	529.010.378	2.988.436.147	(913.740.865)	(1.831.625.722)	772.079.936
Thuế khác	-	46.711.038	(46.711.038)	-	-
	<u>2.543.623.051</u>	<u>15.396.682.082</u>	<u>(12.772.235.194)</u>	<u>(1.798.546.396)</u>	<u>3.369.523.543</u>

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Chi phí lương nhân viên	9.105.873.576	2.995.021.002
Chi phí lãi vay phải trả	832.653.384	863.804.178
Khác	2.777.167.884	1.662.956.975
	<u>12.715.694.844</u>	<u>5.521.782.155</u>

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 24)	9.399.562.212	20.430.192.008
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp thất nghiệp	1.031.082.713	1.874.763.107
Chi phí lãi vay phải trả	321.498.396	551.736.791
Phải trả khác	3.137.797.668	1.546.455.488
	<u>13.889.940.989</u>	<u>24.403.147.394</u>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	9.848.542.224	20.976.209.384
Bên thứ ba	4.041.398.765	3.426.938.010
	<u>13.889.940.989</u>	<u>24.403.147.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 1.7.2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.6.2017 VND
(a) Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng (ii)	312.000.000	10.129.000.000	(312.000.000)	10.129.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b)) (iii)	29.159.000.000	70.500.000.000	(85.259.000.000)	14.400.000.000
Vay cá nhân (v)	-	1.300.000.000	-	1.300.000.000
	<u>29.471.000.000</u>	<u>81.929.000.000</u>	<u>(85.571.000.000)</u>	<u>25.829.000.000</u>
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	17.950.000.000	23.259.250.000	(15.450.000.000)	25.759.250.000
	<u>47.421.000.000</u>	<u>105.188.250.000</u>	<u>(101.021.000.000)</u>	<u>51.588.250.000</u>
(b) Vay dài hạn				
Vay ngân hàng (ii)	144.654.000.000	30.739.140.000	(10.605.500.000)	164.787.640.000
Vay dài hạn từ tổ chức khác (i)	28.750.000.000	-	(7.500.000.000)	21.250.000.000
Phát hành trái phiếu (iv)	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
	<u>173.404.000.000</u>	<u>31.739.140.000</u>	<u>(18.105.500.000)</u>	<u>187.037.640.000</u>
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	(17.950.000.000)	(23.259.250.000)	15.450.000.000	(25.759.250.000)
	<u>155.454.000.000</u>	<u>8.479.890.000</u>	<u>(2.655.500.000)</u>	<u>161.278.390.000</u>
	<u>202.875.000.000</u>	<u>113.668.140.000</u>	<u>(103.676.500.000)</u>	<u>212.866.640.000</u>

(i) Chi tiết các khoản vay từ tổ chức khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Tổ chức	Số tiền VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai	2.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2022	7	TSCĐ (Thuyết minh 12)
Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai	7.500.000.000	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 9 năm 2022	8,4	TSCĐ (Thuyết minh 12)
Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai	11.250.000.000		7	TSCĐ (Thuyết minh 12)
	<u>21.250.000.000</u>			

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Ngân hàng	Số tiền VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam ("OCB")	83.500.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	6 tháng đầu: 8,9%/năm, tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	TSCĐ (Thuyết minh 12)
OCB	33.575.000.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	6 tháng đầu: 8,9%/năm, tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	TSCĐ (Thuyết minh 12)
OCB	10.000.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2018	8,9%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
OCB	17.084.000.000	Từ năm 2018 đến năm 2021	7,2%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("VCB")	17.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	Năm 1: 7,2% Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,8%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
VCB	13.125.140.000	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2016 đến ngày 12 tháng 7 năm 2026	7,2%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
VCB	129.000.000	Ngày 30 tháng 11 năm 2017	7%	Tin chấp
VCB	503.500.000	Năm 2021	7,5%	TSCĐ (Thuyết minh 12)
	<u>174.916.640.000</u>			

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

20 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(iii) Chi tiết khoản vay bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Bên liên quan	Số tiền VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	1.900.000.000	12 tháng kể từ ngày giải ngân	10,5%	Tin chấp
Công ty mẹ	12.500.000.000	12 tháng kể từ ngày giải ngân	12%	Tin chấp
	<u>14.400.000.000</u>			

(iv) Trái phiếu được trả lãi 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng cộng biên độ lãi suất 3,5%/năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2022 và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, cổ phần của bà Đặng Huỳnh Úc My hoặc Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam hoặc Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

(v) Khoản vay từ một cá nhân chịu mức lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo và sẽ đáo hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2018.

21 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số đầu năm	(599.865.943)	(2.281.289.175)
Trích từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 23)	5.141.112.224	5.302.015.958
Sử dụng trong năm	(4.163.938.091)	(3.620.592.726)
Giảm khác	(377.308.190)	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(599.865.943)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	30.6.2017		30.6.2016	
	Số cổ phiếu	Vốn góp VND	Số cổ phiếu	Vốn góp VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	35.000.000	350.000.000.000	25.000.000	250.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 250 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã góp là 350 tỷ đồng.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.6.2017		30.6.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	25.421.687	72,63	17.500.000	70,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến Trúc Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	5.000.000	14,29	5.000.000	20,00
Bà Đặng Huỳnh Ước Mỹ	2.350.833	6,72	575.000	2,30
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (trước đây là "Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên")	1.977.500	5,65	300.000	1,20
Khác	250.000	0,71	1.625.000	6,50
	<u>35.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>25.000.000</u>	<u>100,00</u>

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	250.000.000.000	28.645.813	1.828.608.425	45.983.526.273	297.840.780.511
Lợi nhuận trong năm	-	-	28.649.464.676	3.478.112.419	32.127.577.095
Chia cổ tức trong năm	-	-	(18.545.091.251)	(1.811.807.017)	(20.356.698.268)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.168.395.108)	(133.620.850)	(5.302.015.958)
Giảm khác	-	-	-	(183.421.406)	(183.421.406)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	250.000.000.000	28.645.813	6.764.586.742	47.332.989.419	304.126.221.974
Góp vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.112.112.328	3.297.685.252	11.409.797.580
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	-	-	-	22.358.228.235	22.358.228.235
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu (*)	-	-	(13.198.069.814)	(12.215.720.490)	(25.413.790.304)
Chia cổ tức (**)	-	-	(6.750.916.129)	(1.946.367.986)	(8.697.284.115)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(5.086.026.581)	(55.085.663)	(5.141.112.224)
Giảm khác	-	-	(348.367.880)	-	(348.367.880)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	350.000.000.000	28.645.813	(10.506.681.314)	58.771.728.767	398.293.693.266

(*) Trong năm, Công ty mua thêm cổ phần của Trường Đại học Yersin Đà Lạt và lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 81,96%.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông.

24 CỐ TỨC PHẢI TRẢ

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	20.430.192.008	7.343.242.922
Cố tức trích lập trong năm	8.697.284.115	20.356.698.268
Cố tức đã chi trả	(19.727.913.911)	(7.269.749.182)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 19)	9.399.562.212	20.430.192.008

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017	2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	8.112.112.328	28.649.464.676
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(5.086.026.561)	(5.168.395.108)
	3.026.085.767	23.481.069.568
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	29.391.100	25.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	103	939

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi nên lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng lãi suy giảm trên cổ phiếu.

26 DOANH THU THUẦN VÉ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu từ hoạt động giáo dục và đào tạo	339.442.016.443	235.976.821.876
Doanh thu cho thuê	3.897.706.630	9.629.356.025
Doanh thu tư vấn, thiết kế	2.719.127.728	3.130.940.780
Doanh thu bán hàng	1.857.358.613	512.554.365
Doanh thu khác	851.203.545	2.088.974.971
	<u>348.767.412.959</u>	<u>251.338.648.017</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm trừ học phí	(2.322.512.933)	(613.558.559)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần từ hoạt động giáo dục và đào tạo	337.119.503.510	235.363.263.317
Doanh thu thuần cho thuê	3.897.706.630	9.629.356.025
Doanh thu thuần tư vấn, thiết kế	2.719.127.728	3.130.940.780
Doanh thu thuần bán hàng	1.857.358.613	512.554.365
Doanh thu thuần khác	851.203.545	2.088.974.971
	<u>346.444.900.026</u>	<u>250.725.089.458</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	137.892.693.469	62.327.630.811
Chi phí thực phẩm	23.173.141.513	22.089.907.634
Khấu hao và phân bổ	17.593.065.342	20.621.396.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.529.942.899	41.003.081.362
Giá vốn khác	11.544.917.301	7.986.967.332
	<u>223.733.760.524</u>	<u>154.028.983.679</u>

28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.207.581.857	17.035.082.661
Khác	40.195.533	-
	<u>19.247.777.390</u>	<u>17.035.082.661</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	54.397.712.587	28.083.511.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.742.605.544	2.858.027.104
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.960.188.510	5.283.003.851
Khác	10.024.681.742	8.690.258.039
	<u>87.125.188.383</u>	<u>44.914.800.240</u>

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục và đào tạo và 20% (6 tháng cuối năm 2015: 22%) thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác.

Chính sách miễn giảm thuế

Trường TH – THCS – THPT Trịnh Hoài Đức

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường Mầm Non Tư Thục Thái Bình Dương

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương (trước đây là "Trường Mầm Non Quốc Tế Bambi")

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường THCS – THPT Tân Phú

Trường được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2008) và giảm 50% thuế thu nhập trong năm năm tiếp theo cho hoạt động giáo dục.

Trường Cao đẳng Công nghệ & Quản trị Sonadezi

Trường được miễn thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 4 năm, kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 5 năm, kể từ năm 2013 cho hoạt động giáo dục.

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.970.063.244	36.461.980.718
Thuế tính theo thuế suất phổ thông	3.394.012.649	7.835.673.767
Điều chỉnh:		
Ảnh hưởng mức thuế suất áp dụng cho các công ty con	(5.261.367.927)	(4.164.464.026)
Thu nhập không chịu thuế	627.200	13.769.578
Chi phí không được trừ	837.686.681	22.753.151
Thuế được miễn hoặc giảm	(733.901.501)	(465.335.687)
Chuyển lỗ tính thuế mà chưa được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(72.019.545)	(56.236.655)
Lỗ tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.395.228.107	1.148.243.495
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.560.265.664	4.334.403.623

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Năm	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2013	Đã quyết toán	429.187.832
2014	Đã quyết toán	546.087.785
2014	Chưa quyết toán	212.204.483
2015	Đã quyết toán	198.486.022
2015	Chưa quyết toán	3.466.002.405
2016	Đã quyết toán	1.910.273.039
2016	Chưa quyết toán	11.260.887.629
2017	Chưa quyết toán	34.739.356.504

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này là không chắc chắn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa cơ sở kế toán và cơ sở tính thuế do đó không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại.

31 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.317.446.875	22.089.907.634
Chi phí nhân viên	156.525.489.794	90.411.142.057
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.553.253.852	25.904.400.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.273.707.053	43.861.108.466
Chi phí khác	29.189.051.333	16.677.225.371
	<u>310.858.948.907</u>	<u>198.943.783.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
i) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.225.542.447	467.981.364
Cổ đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.374.161.405	20.000.000
Công ty thành viên cùng Tập đoàn Công ty TNHH MTV Kỹ thuật-Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	886.707.491	44.409.091
	<u>3.486.411.343</u>	<u>4.532.390.455</u>
ii) Mua TSCĐ, công cụ, dụng cụ		
Cổ đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	40.374.076.535
iii) Chia cổ tức		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	5.250.000.000	6.799.774.193
Cổ đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.500.916.129	9.746.950.929
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	1.895.497.984	1.811.607.017
	<u>8.646.414.113</u>	<u>18.358.332.139</u>
iv) Chi phí lãi vay		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.303.414.554	395.646.125
Cổ đồng Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	20.941.666	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2017 VND	2016 VND
v) Vay ngắn hạn		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	60.500.000.000	29.159.000.000
Cổ đông Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	10.800.000.000
	<u>70.500.000.000</u>	<u>39.959.000.000</u>
vi) Cho vay ngắn hạn		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	15.500.000.000	-
Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	10.700.000.000
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	-	12.000.000.000
	<u>15.500.000.000</u>	<u>22.700.000.000</u>
vii) Lãi từ cho vay		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	19.125.000	-
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	1.298.465.112	2.253.731.060
	<u>1.298.465.112</u>	<u>2.253.731.060</u>
viii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	11.678.405.788	9.746.950.929
	<u>11.678.405.788</u>	<u>9.746.950.929</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	121.110.500	66.132.600
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	280.332.815	-
Cổ đồng Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	6.208.219.191
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	278.720.000 -	- 4.000.000.000
	<u>559.052.815</u>	<u>10.208.219.191</u>
iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8.500.000.000	-
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	9.383.171.144	19.000.000.000
	<u>17.883.171.144</u>	<u>19.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.597.222	-
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ-Giải trí Thịnh Thiên Mã	4.004.756.780	2.706.291.668
	<u>4.007.354.002</u>	<u>2.706.291.668</u>
v) Kỳ quỹ dài hạn		
Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	224.800.000	224.800.000
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	142.010.000	586.713.500
Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.983.859.568	3.903.932.158
Công ty thành viên cùng tập đoàn Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	21.525.106.304	209.100.000
Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	312.496.373	244.126.373
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	9.990.000	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	52.800.000
	<u>23.973.462.245</u>	<u>4.996.672.031</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 19)		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	5.505.875.000	10.600.285.179
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toán Thịnh Phát	1.495.071.130	7.780.983.858
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	2.669.713.333	2.594.940.349
Công ty thành viên cùng lập đoàn		
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	177.882.761	-
	<u>9.848.542.224</u>	<u>20.976.209.384</u>
viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a))		
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	12.500.000.000	29.159.000.000
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam	1.900.000.000	-
	<u>14.400.000.000</u>	<u>29.159.000.000</u>

33 CÁC CAM KẾT**(a) Thuê hoạt động**

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê đất và thuê văn phòng không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Dưới 1 năm	4.683.619.833	4.289.412.500
Từ 1 đến 5 năm	13.307.650.000	14.737.650.000
Trên 5 năm	6.348.312.500	9.422.725.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	24.339.582.333	28.449.787.500

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Cam kết vốn đầu tư xây dựng	14.205.324.595	-
Nâng cấp, sửa chữa trường và khuôn viên của trường	6.294.588.800	-

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh của năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2017.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập



Đặng Hồng Tuyên
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Trang
Phó Tổng Giám đốc
Chức ký được ủy quyền